

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 135/2024/HS-ST
Ngày: 12-6-2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Đẹp.

2. Bà Lê Thị Khanh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Như Oanh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thị Hoài Giang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 82/2024/TLST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2024/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2024/HSST-QĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Lê Thị N, sinh ngày 02 tháng 7 năm 1987 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú: 247/106/2 L, Phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ở hiện nay: 54/3 tổ A, ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Bán vé số; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông (Vô danh) và bà **Lê Thị Q** (chết); bị cáo không có chồng, có 04 con, (lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2018); tiền án: Không, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bị đưa vào chữa bệnh tập trung tại Trung tâm Giáo dục dạy nghề phụ nữ thời gian 12 tháng, kể từ ngày 24/10/2002 (là đối tượng mại dâm) (Theo Quyết định tiếp nhận đối tượng tệ nạn xã hội vào chữa bệnh tập trung số 212/LĐTB-XH ngày 16/12/2002 của **Sở Lao động Thương binh và xã hội Thành phố H**).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/12/2023 đến ngày 15/12/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông **Hàng S**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: **1 ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh** (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 07/12/2023, Tổ công tác **Công an xã T, huyện H** phối hợp cùng Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy **Công an huyện H** tuần tra tại khu vực **tổ A, ấp T, xã T, huyện H** thì phát hiện **Lê Thị N** có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra, thu giữ trên tay trái của **N** 01 gói nylon chứa tinh thể không màu (ký hiệu m) để bán cho **Hàng S** với giá 300.000 đồng nhưng chưa kịp giao thì bị bắt quả tang.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của **N** tại địa chỉ **số E tổ A, ấp T, xã T, huyện H** thu giữ 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá gồm 01 bình nhựa trên nắp có gắn 01 ống hút, 01 đoạn ống thủy tinh có đầu tròn bên trong không chứa gì.

Tại Cơ quan điều tra, **N** khai nhận nguồn ma túy mua của một người nam tên **T** (không rõ lai lịch) ở khu vực sân banh Thới Tứ. Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 07/12/2023, **S** điện thoại đặt mua 01 gói ma túy với giá 300.000 đồng và hẹn tới khu vực đường hẻm thuộc **tổ A, ấp T, xã T, huyện H** để giao ma túy, **N** đem ma túy đến điểm hẹn nhưng chưa kịp giao thì bị lực lượng công an phát hiện bắt giữ. Đây là lần đầu tiên **N** bán ma túy cho **S**. Lời khai của **N** và **S** phù hợp với nhau.

Kết luận giám định số 13671/KL-KTHS ngày 15/12/2023 của **Phòng K Công an Thành phố H** kết luận: Tinh thể không màu được ký hiệu mẫu m cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,1772 g (không phẩy một bảy bảy hai gam) loại Methamphetamine.

Vật chứng thu giữ:

* Thu giữ của **N**:

- 01 gói niêm phong số vụ 2862/23 bên ngoài gói có dấu vân tay màu đỏ, chữ ký ghi tên **Lê Thị N** và hình dấu **Công an xã T, huyện H**, bên trong là ma túy còn lại sau giám định;

- 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá gồm: 01 bình nhựa trên nắp có gắn 01 ống hút và 01 đoạn ống thủy tinh có đầu tròn bên trong không chứa gì;

- 01 điện thoại di động hiệu **S1** đã qua sử dụng có số sim 1: 0921013372; sim 2: 0907314673;

* Thu giữ của **S**:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu bạc đã qua sử dụng có số sim: 0797398181;

- Tiền Việt Nam: 300.000 đồng.

Đối với người thanh niên tên **T** đã bán ma túy cho **N**, Cơ quan điều tra chưa xác định được lai lịch, xác định được sẽ xử lý sau.

Đối với **Hàng S** là người nghiện, khi bị bắt không thu giữ được ma túy nên không có căn cứ xử lý hình sự, Cơ quan điều tra đã giao cho **Công an xã T, huyện H** xử lý theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 97/CT-VKS-HM ngày 14/3/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo **Lê Thị N** về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo **Lê Thị N** khai nhận hành vi như nội dung cáo trạng truy tố.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông **Hàng S** không có ý kiến, yêu cầu gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm n, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

- Tuyên bố bị cáo **Lê Thị N** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;
- Đề nghị xử phạt bị cáo **Lê Thị N** mức án tù 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Nhận thấy bị cáo đang nuôi con nhỏ và không có thu nhập ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về vật chứng của vụ án:

+ Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 gói niêm phong số vụ 2862/23 bên ngoài gói có dấu vân tay màu đỏ, chữ ký ghi tên **Lê Thị N** và hình dấu **Công an xã T, huyện H**, bên trong là ma túy còn lại sau giám định; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá gồm: 01 bình nhựa trên nắp có gắn 01 ống hút và 01 đoạn ống thủy tinh có đầu tròn bên trong không chứa gì.

+ Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu **S1** đã qua sử dụng có số sim 1: 0921013372; sim 2: 0907314673; 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu bạc đã qua sử dụng có số sim: 0797398181 dùng vào việc liên hệ mua bán ma túy; Tiền Việt Nam: 300.000 đồng là tiền dùng để mua ma túy.

- Về án phí: Đề nghị buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với người thanh niên tên **T** đã bán ma túy cho **N**, Cơ quan điều tra chưa xác định được lai lịch, xác định được sẽ xử lý sau.

Đối với **Hàng S** là người nghiện, khi bị bắt không thu giữ được ma túy nên không có căn cứ xử lý hình sự, Cơ quan điều tra đã giao cho **Công an xã T, huyện H** xử lý theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an huyện H**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân **huyện H**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra. Phù hợp với toàn bộ các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận thấy đã có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 07/12/2023, tại khu vực **tổ A, ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh**, bị cáo **Lê Thị N** đã bị phát hiện bắt quả tang có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy nhằm mục đích để bán cho người nghiện **Hàng S** với tổng khối lượng là 0,1772g (không phẩy một bảy bảy hai gam) loại Methamphetamine (theo Kết luận giám định số 13671/KL-KTHS ngày 15/12/2023 của **Phòng K Công an Thành phố H**). Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo biết rõ ma túy có tác hại khó lường, rất nguy hiểm, không chỉ hủy hoại sức khỏe của người sử dụng mà còn ảnh hưởng xấu đến gia đình và cộng đồng, là nguồn gốc phát sinh nhiều loại tội phạm khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương và khó khăn trong việc phòng chống tội phạm. Nhưng vì muốn hưởng lợi, có tiền tiêu xài, bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần có mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra nhằm cải tạo, giáo dục riêng cho bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khi phạm tội bị cáo đang mang thai nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự khi quyết định mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và hoàn cảnh của bị cáo, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[7] Đối với người bán ma túy cho bị cáo **N** không rõ lai lịch, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

[8] Đối với **Hàng S** là người nghiện, khi bị bắt không thu giữ được ma túy nên không có căn cứ xử lý hình sự, Cơ quan điều tra đã giao cho **Công an xã T, huyện H** xử lý theo quy định.

[9] Về vật chứng của vụ án:

- 01 gói niêm phong số vụ 2862/23 bên ngoài gói có dấu vân tay màu đỏ, chữ ký ghi tên **Lê Thị N** và hình dấu **Công an xã T, huyện H**, bên trong là ma túy còn lại sau giám định; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá gồm: 01 bình nhựa trên nắp có gắn 01 ống hút và 01 đoạn ống thủy tinh có đầu tròn bên trong không chứa gì. Hội đồng xét xử quyết định tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

- 01 điện thoại di động hiệu **S1** đã qua sử dụng có số sim 1: 0921013372; sim 2: 0907314673 thu giữ của **N**; 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu bạc đã qua sử dụng có số sim: 0797398181 thu giữ của **S** và tiền Việt Nam: 300.000 đồng dùng vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử quyết định tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước là phù hợp.

[10] Về nghĩa vụ chịu án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; điểm n, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Căn cứ vào Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Xử phạt bị cáo **Lê Thị N** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 07/12/2023 đến ngày 15/12/2023.

2. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 gói niêm phong số vụ 2862/23 bên ngoài có dấu vân tay màu đỏ, chữ ký ghi tên **Lê Thị N** và hình dấu **Công an xã T, huyện H**, bên trong là ma túy còn lại sau giám định; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đã gồm: 01 bình nhựa trên nắp có gắn 01 ống hút và 01 đoạn ống thủy tinh có đầu tròn bên trong không chứa gì;

- Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu **S1** đã qua sử dụng có số sim 1: 0921013372; sim 2: 0907314673; 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu bạc đã qua sử dụng có số sim: 0797398181; tiền Việt Nam: 300.000 đồng.

Các vật chứng nêu trên hiện đang giữ tại kho vật chứng thuộc Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn theo Quyết định chuyển vật chứng số 77/QĐ-VKS-HS ngày 28/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, biên bản giao, nhận vật chứng ngày 28/02/2024 và Giấy nộp tiền ngày 26/02/2024.

3. Về án phí: Bị cáo **Lê Thị N** phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Hóc Môn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Hóc Môn;
- UBND Phường ..., Quận ...;
- UBND xã T, H. H;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)